TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2026/DS - ST.
Ngày: 16 - 4 - 2026.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha – Thư Ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2026/TLST - DS, ngày 10 tháng 02 năm 2026 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2026/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L (Viết tắt là L1); địa chỉ: Tòa nhà L, số B T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP L: Ông Ngô Minh T, sinh năm 1998; căn cước công dân: 094091000895 – Giám đốc Quan hệ KHCN - Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh S – Phòng G; địa chỉ liên hệ: Số A H, phường S, thành phố Cần Thơ theo văn bản ủy quyền số 10/2026/QUQ-ST ngày 10/02/2026.

2. Bị đơn: Bà Điền Thị M, sinh năm 1986; chứng minh nhân dân: 365550442; địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 13/01/2026 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L được đổi tên từ Ngân hàng TMCP B (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Minh T trình bày: Ngày 24/10/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần L (gọi tắt là L1) với bà Điền Thị M đã giao kết hợp đồng vay theo hợp đồng tín

dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1480/2016/HDTD/CN Soc Trang cụ thể: Số tiền vay: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 24/19/2016 đến hết ngày 24/10/2021); Lãi suất: 12%/năm; phương thức điều chỉnh lãi suất: LSCV bằng (=)LS TK 13 tháng (+) (M1), lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Sau khi giao dịch, bà Điền Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh S – P đã nhiều lần đến nhà đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập nhiều biên bản làm việc nhưng đến nay bà Điền Thị M vẫn chưa thanh toán hết nợ vay. Số tiền bà Điền Thị M còn phải thanh toán tạm tính đến ngày 16/4/2026 gốc là 8.146.660 đồng, nợ lãi là 7.295.414 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn là 6.365.284 đồng và lãi quá hạn là 930.130 đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L thay đổi yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bà Điền Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 16/4/2026 là 15.442.074 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 8.146.660 đồng, nợ lãi là 7.295.414 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn là 6.365.284 đồng và lãi quá hạn là 930.130 đồng) tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 17/4/2026 cho đến khi bà M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP L.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Điền Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng khác nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp vì bà M đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà M theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với bị đơn bà Điền Thị M: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Điền Thị M, nhưng bà Điền Thị M không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Điền Thị M để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy

định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà M hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 8.146.660 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/4/2026 là 7.295.414 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn là 6.365.284 đồng và lãi quá hạn là 930.130 đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bà M trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L yêu cầu bà Điền Thị M trả số tiền nợ đã thực hiện giao dịch mà bà MaRi ký kết tại hợp đồng tín dụng ngày 30/07/2020. Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn bà Điền Thị M cư trú tại ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Bị đơn bà Điền Thị M đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Điền Thị M.

[4]. Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bà Điền Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 16/4/2026 là 15.442.074 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 8.146.660 đồng, nợ lãi là 7.295.414 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn là 6.365.284 đồng và lãi quá hạn là 930.130 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 17/4/2026 cho đến khi bà M hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để

chứng minh cho việc bị đơn bà Điền Thị M có vay tiền, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đều có chữ ký của bị đơn bà Điền Thị M ở mục chữ ký và họ tên của chủ tài khoản kiêm chủ thẻ chính và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã ký; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà M biết nhưng bà M không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà M đã có vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền là 100.000.000 đồng. Theo lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp thể hiện sau khi vay bà M đã trả được 91.853.440 đồng còn lại thì không thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, việc bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc còn lại và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng ngày 24/10/2016 của Ngân hàng mà các bên đã ký kết, bà M là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu thu hồi nợ và buộc bị đơn bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc còn lại là 8.146.660 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 24/10/2016 giữa Ngân hàng với bà M đã giao kết mức lãi suất là lãi suất 12%/năm. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, áp dụng nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại nên bà M phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà M hoàn trả tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng từ ngày 20/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/4/2026 với số tiền là 7.295.414 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn là 6.365.284 đồng và lãi quá hạn là 930.130 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 17/4/2026 đến khi bị đơn bà M trả xong số nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa

thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn bà Điền Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền vốn gốc là 8.146.660 đồng, tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/4/2026 là 7.295.414 đồng, tổng số tiền 15.442.074 đồng và bà M còn phải trả lãi cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 17/4/2026 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà M phải chịu 772.104 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-NHNN, ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

Buộc bị đơn bà Điền Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền vay gốc là 8.146.660 đồng (tám triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng), tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/4/2026 là là 7.295.414 đồng (bảy triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm mười bốn đồng). Bao gồm: Lãi trong hạn là 6.365.284 đồng (sáu triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi bốn đồng) và lãi quá hạn là 930.130 đồng (chín trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi đồng), tổng số tiền 15.442.074 đồng (mười lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Điền Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Điền Thị M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 381.000 đồng (ba trăm tám mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00028442 ngày 09/02/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ.

Bị đơn bà Điền Thị M phải chịu 772.104 đồng (bảy trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm lẻ bốn đồng).

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Cần Thơ (P. Giám đốc, Kiểm tra, TT và THA);
- VKSND khu vực 9 - Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Ánh